

Số:200 /KH-UBND

P. Lê Thanh Nghị, ngày 22 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số trên địa bàn phường Lê Thanh Nghị
giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hải Phòng về Kế hoạch Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng năm 2026, trong đó có nhiệm vụ “Ban hành Kế hoạch về Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm 2026-2030”; Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về quy định quản lý các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng; UBND phường Lê Thanh Nghị xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn phường giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về thực hiện phát triển hạ tầng số thời kỳ 2026 - 2030.
- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc phát triển hạ tầng số, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp, nhằm hoàn thành yêu cầu, mục tiêu đã đề ra.
- Phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn phường.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hạ tầng số của tỉnh; kế thừa, đồng bộ với các mục tiêu, nhiệm vụ đã được xác định tại các chương trình, kế hoạch có liên quan.
- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp điều kiện thực tiễn của phường; tăng cường sử dụng chung hạ tầng, nâng cao hiệu quả đầu tư; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp của doanh nghiệp.
- Hạ tầng số được triển khai đồng bộ phát triển gắn với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác. Có lộ trình cụ thể, cần có sự phối hợp giữa các doanh nghiệp để phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ hạ tầng.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2027

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng tối thiểu 50% dân số; đồng thời bảo đảm phủ sóng 5G tại 100% các nhà Văn hóa thuộc các tổ dân phố.
- Tối thiểu 40% người sử dụng trên địa bàn phường có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn phường đạt tối thiểu 50%.
- 100% công chức, viên chức có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- Triển khai Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

2. Đến năm 2030

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn phường;
 - Tối thiểu 80% người sử dụng trên địa bàn phường có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s; Trung tâm hành chính, cơ sở giáo dục, y tế có hạ tầng băng rộng cố định chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu dịch vụ số tiên tiến.
 - Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt tối thiểu 90%.
- (Phụ lục phân công nhiệm vụ và Bảng chỉ tiêu theo dõi kèm theo)*

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và lồng ghép yêu cầu phát triển

- Rà soát, cập nhật, lồng ghép yêu cầu phát triển hạ tầng số vào Quy hoạch chung của tỉnh.
- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng số; khuyến khích sử dụng hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư và mô hình thuê dịch vụ công nghệ số.

2. Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng

- Hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông đầu tư, nâng cấp, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định, di động, cáp quang, bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, sẵn sàng cho các dịch vụ số tiên tiến.
- Đẩy mạnh đầu tư, phát triển sử dụng chung hạ tầng viễn thông thụ động (cột ăng ten, nhà trạm, cống bể cáp, hạ tầng ngầm,...) theo hướng ưu tiên xã hội hóa theo quy định pháp luật, bảo đảm mỹ quan đô thị, an toàn và hiệu quả đầu tư.
- Mở rộng vùng phủ sóng 5G gắn với nhu cầu thực tế của địa phương.

3. Phát triển hạ tầng IPv6, định hướng IPv6 only

- Ban hành và tổ chức triển khai lộ trình chuyển đổi IPv6/IPv6 only trên địa bàn xã, phù hợp định hướng quốc gia.
- Khuyến khích doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số chủ động chuyển đổi hạ tầng, dịch vụ sang IPv6/IPv6 only đảm bảo theo lộ trình.

4. Triển khai nền tảng số và tiện ích số dùng chung

- Triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh theo hướng tập trung, có khả năng mở rộng, liên thông và tích hợp dữ liệu.
- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; thúc đẩy khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hạ tầng số theo quy định.
- Bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu quan trọng của xã trong môi trường số.

6. Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy sử dụng

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của hạ tầng số, dữ liệu, 5G, IoT, IPv6, điện toán đám mây và an toàn thông tin.
- Cử cán bộ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực vận hành hạ tầng số; an toàn thông tin và chuyển đổi số.
- Thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số, nền tảng số, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành; nguồn lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan; nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện theo quy định.
- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã theo quy định.

2. Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị

- Phối hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của địa phương.
- Phối hợp lồng ghép yêu cầu phát triển hạ tầng số vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật; phối hợp triển khai sử dụng chung hạ tầng, công trình ngầm, cột, trạm, tuyến kỹ thuật và các công trình liên quan theo quy định.

3. Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn phường

Xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạ tầng số trên địa bàn xã phù hợp mục tiêu của Kế hoạch; chủ động phối hợp với cơ quan quản lý

nhà nước, địa phương trong triển khai dùng chung hạ tầng, phát triển hạ tầng 5G, IoT, IPv6, IPv6 only, hạ tầng dữ liệu, dịch vụ số, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

4. Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc phường

Phối hợp thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn phường Lê Thanh Nghị giai đoạn 2026 – 2030. UBND phường đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc báo cáo về UBND phường (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để được hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở KHNC TP Hải Phòng (để b/c);
- CT UBND phường;
- Các phòng, đơn vị thuộc phường;
- Công TTĐT phường;
- Lưu: VT, VHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Thị Hằng Nga

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ và bảng chỉ tiêu theo dõi, đo lường thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn phường Lê Thanh Nghị giai đoạn 2026 – 2030

(Kèm theo Kế hoạch số ... /KH-UBND ngày .../6/2026 của
UBND phường Lê Thanh Nghị)

I. Phân công nhiệm vụ, tiến độ, đầu ra

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đầu ra	Thời gian
1	Xây dựng, ban hành lộ trình chuyển đổi IPv6/IPv6 only trên địa bàn xã	Phòng VH-XH	Doanh nghiệp viễn thông, các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2026
2	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao	Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-XH	Báo cáo kết quả thực hiện	2026–2030
3	Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết	Định kỳ

II. Bảng chỉ tiêu theo dõi, đo lường

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đo lường/đánh giá		Nguồn số liệu chủ yếu	Cơ quan tổng hợp
			Mốc 2027	Mốc 2030		
1	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G	%	50	99	Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-XH
2	Tỷ lệ khu các thôn, cơ sở giáo dục, trung tâm hành chính có phủ sóng 5G	%	100	100	Doanh nghiệp viễn thông, địa phương	Phòng VH-XH
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định trên 1Gb/s	%	70	80	Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-XH

4	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn phường	%	50	90	Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-XH
5	Tỷ lệ thôn được phủ sóng băng rộng di động	%	Theo kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí tại QĐ 885/QĐ-BTTTT		Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-X H
6	Tỷ lệ thôn được phủ sóng băng rộng cố định cáp quang FTTH	%	Theo kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí tại QĐ 885/QĐ-BTTTT		Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-X H
7	Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS	%	Theo kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí tại QĐ 885/QĐ-BTTTT		Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-X H
8	Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp viễn thông giữa các DNVT, liên ngành	%	Theo kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí tại QĐ 885/QĐ-BTTTT		Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-XH
9	Tỷ lệ dùng chung công bể cáp viễn thông giữa các DNVT, liên ngành	%	Theo kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí tại QĐ 885/QĐ-BTTTT		Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-XH
10	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân	Thuê bao/100 dân	Theo Quyết định 885/QĐ-BTTTT		Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-XH
11	Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân	Thuê bao/100 dân	Theo Quyết định 885/QĐ-BTTTT		Doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-XH
12	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	Theo Quyết định 885/QĐ-BTTTT		Điều tra, thống kê, doanh nghiệp viễn thông	Phòng VH-X H
13	Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang	%	Theo Quyết định 885/QĐBTTTT		Điều tra, thống kê, doanh nghiệp	Phòng VH-X H

				nghiệp viên thông	
14	Tốc độ băng rộng di động	Mbps	Theo Quyết định 885/QĐBTTT	Dữ liệu đo kiểm, nền tảng công khai	Phòng VH-XH
15	Tốc độ băng rộng cố định	Mbps	Theo Quyết định 885/QĐBTTT	Dữ liệu đo kiểm, nền tảng công khai	Phòng VH-XH